TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ K** **TỈNH K**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2022/HS-ST
Ngày 05 - 7 - 2022.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K, TỈNH K

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hoài;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Duy Cảnh và ông Trương Quang Ngọc.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Bùi Thị Hòa - Thư ký TAND thành phố K, tỉnh K.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, tỉnh K tham gia phiên tòa***: Bà Trịnh Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 23/2022/TLST-HS ngày 30 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2022/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị H, sinh ngày 02 tháng 10 năm 1981 tại tỉnh P; nơi cư trú: 36 P, thành phố N, tỉnh Kh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: V Nam; con ông Nguyễn Văn N (Đã chết) và mẹ Nguyễn Thị H, sinh 1957; có 02 con, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2011.

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 29/6/2018 bị Cơ quan CSĐT Công an thành phố K ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can về tội "Cố ý gây thương tích". Do bị hại rút đơn yêu cầu khởi tố, nên ngày 17/7/2018 Cơ quan điều tra Quyết định đình chỉ điều tra vụ án, đình chỉ điều tra bị can đối với Nguyễn Thị H.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/11/2021 cho đến nay, có mặt.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***:

+ Bà Trần Thị Tuyết TR, sinh năm 1957; địa chỉ: 131 Đ, thành phố K, tỉnh K.

+ Chị Y S, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn Kon Sơ Lam 1, phường Trường Chinh, thành phố K, tỉnh K.

+ Chị Y SM, sinh năm 2003; địa chỉ: Thôn Đ, huyện Đ, , tỉnh K.

+ Anh Đỗ Văn V, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn H, thành phố K, tỉnh K.

+ Anh Đỗ Minh Tiến, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn H, thành phố K, tỉnh K.

+ Chị Y Lan, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn Đ, huyện Đ, tỉnh K.

(Những người liên quan đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21h00' ngày 02/4/2019, bị cáo Nguyễn Thị H đang đứng trước số nhà 74 Đào Duy Từ, phường Trường Chinh, thành phố K thì anh Đỗ Văn V và anh Đỗ Minh Tiến cùng điều khiển xe mô tô đi tới, H vẫy tay ra hiệu dừng lại và hỏi *"Có chơi không em"* (tức là có nhu cầu mua dâm không), V và Tiến trả lời *"Có"*, thì anh Tiến và H thỏa thuận 250.000 đồng cho một lần mua bán dâm. Sau khi thỏa thuận Tiến đưa cho H 500.000 đồng. H dẫn Tiến đến phòng số 02 nhà trọ số nhà 74 Đào Duy Từ, thành phố K do H thuê của bà Trần Thị Tuyết TR; và dẫn V vào phòng số 01 dãy trọ số 68 Đào Duy Từ, thành phố K do H thuê của bà Y S. Sau đó H gọi điện cho Y Lan đến bán dâm cho anh Tiến và gọi cho Y SM, sinh ngày 07/7/2003 đến bán dâm cho anh V. Đến khoảng 22h00 cùng ngày, Công an phường Trường Chinh lập biên bản bắt quả tang Y Lan, Y SM cùng anh V và anh Tiến đang thực hiện hành vi mua bán dâm. Nguyễn Thị H bỏ trốn, đến ngày 24/11/2021 bị bắt theo lệnh truy nã.

Bị cáo đã bồi thường thiệt hại xong cho chị Y SM với số tiền 2.000.000 đồng. Chị Y SM có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại Cáo trạng số 30/CT-VKSTPKT ngày 30/3/2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố bị cáo Nguyễn Thị H về tội *"Chứa mại dâm"* theo điểm a khoản 3 Điều 327 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị áp dụng điểm a khoản 3 Điều 327; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 54 của BLHS, xử phạt bị cáo từ 08 năm, 06 tháng đến 09 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi chứa mại dâm như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Lời nói sau cùng: Bị cáo nhận tội và xin giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về nuôi dạy các con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

- Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ lần 2, nhưng đều vắng mặt không lý do. HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Về nội dung:

[1] Trên cơ sở lời khai của bị cáo, người liên quan và căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở khẳng định: Khoảng 21 giờ đêm ngày 02/4/2019, bị cáo Nguyễn Thị H đã sử dụng địa điểm nhà trọ do H thuê tại số nhà 68 và số nhà 74 đường Đào Duy Từ, phường Trường Chinh, thành phố K làm nơi để Y Sm và Y Lan bán dâm cho anh V và anh Tiến, nhằm mục đích thu lời bất chính số tiền 500.000 đồng. Khi Y Sm bán dâm cho anh Tiến, thì Y Sm mới 15 tuổi 08 tháng 25 ngày.

Hành vi nêu trên của bị cáo H đủ yếu tố cấu thành tội "*Chứa mại dâm*" quy định tại điểm a khoản 3 Điều 327 BLHS. Do đó, Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng luật.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, nếp sống văn minh, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an ninh xã hội tại địa phương.

[3] Về tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả, nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS.

[4] Nhân thân: Năm 2018 bị Cơ quan CSĐT Công an thành phố K ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can về hành vi "Cố ý gây thương tích".

[5] Xét tính chất mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội; xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình hình sự và nhân thân của bị cáo; để đảm bảo công tác phòng chống tội phạm và răn đe phòng ngừa chung, HĐXX cần phải xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo với đời sống xã hội một thời gian, đủ để cải tạo giáo dục bị cáo. Tuy nhiên bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, nên HĐXX áp dụng Điều 54 của BLHS quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, giảm nhẹ một phần hình phạt, để bị cáo thấy được lượng khoan H của pháp luật mà cải tạo tốt.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản, không nghề nghiệp, không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung. Nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Các vấn đề khác:

- Buộc bị cáo phải nộp lại số tiền 500.000 đồng mà bị cáo đã thu lợi bất chính từ việc phạm tội, để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, xử lý hành vi của anh V giao cấu với Y Sm chưa đủ 16 tuổi và xử lý hành vi của những người liên quan đã được giải quyết tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 68/2020/HS-ST ngày 12/6/2020 của TAND thành phố K (Bản án đã có hiệu lực thi hành).

[8] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 327; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội "*Chứa mại dâm*".

2. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị H**: **08** (Tám) năm, **06** (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (**24/11/2021**).

3. Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải nộp lại số tiền 500.000 (*năm trăm nghìn*) đồng thu lợi bất chính từ việc phạm tội để tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

4. *Về án phí*: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. *Quyền kháng cáo*: Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (05/7/2022). Những người vắng mặt tại phiên tòa, thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh K;
- VKSND tỉnh K;
- VKSND Tp. K;
- Sở tư pháp tỉnh K;
- Cơ quan CSĐT Công an Tp. K;
- Bộ phận HSNV Công an Tp. K;
- Chi cục THADS Tp. K;
- Hồ sơ THA hình sự;
- Bị cáo, bị hại và các đương sự;
- L- u HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyên Xuân Hoài

1/ Bị cáo Nguyễn Thị H, sinh năm 1981; nơi cư trú: 36 Trần Khánh, phường Vĩnh Trường, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn 3/12.

Tiền án, tiền sự: Không;

Tại Cáo trạng số 30/CT-VKSTPKT ngày 30/3/2022, Viện kiểm sát truy tố về tội *"Chứa mại dâm"* theo điểm a khoản 3 Điều 327 BLHS.

ViKS đề nghị áp dụng điểm a khoản 3 Điều 327; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 54 của BLHS, xử phạt bị cáo từ **08** năm, **06** tháng đến **09** năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bản án số: 61/2022/HS-ST ngày 05 - 7 – 2022.

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 327; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 54 BLHS.

Xử phạt bị cáo **H: 08** năm, **06** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (**24/11/2021**).

2/ Vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2022/TLST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2022, đối với các bị cáo:

- **A Chăm** về tội *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"* theo khoản 1 Điều 323 BLH. Hành vi của bị cáo A Chăm đã được xét xử tại Bản án số 30/2022/HS-ST ngày 30/3/2022.

- **A Thướk** về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 BLHS. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử bị cáo A Thướk bỏ trốn. Tòa án phải tạm đình chỉ xét xử hành vi của bị cáo, đến ngày 05/6/2022 bị bắt tạm giam theo lệnh truy nã.

Tòa án ra quyết định phục hồi vụ án ngày 02/6/2022.

Bản án số: 54/2022/HS-ST ngày: 17/6/2022.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; các điều 38, 91 và khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo A Thướk **07** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 05/6/2022.